

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 43/1999/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH

Về kế hoạch sản xuất chè năm 1999-2000 và định hướng phát triển chè đến năm 2005-2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sản xuất chè năm 1999-2000 và phương hướng phát triển đến năm 2005-2010 với nội dung chủ yếu sau:

1. Phương hướng, mục tiêu:

- Phát triển sản xuất chè để phục vụ đủ nhu cầu của thị trường trong nước và tăng kim ngạch xuất khẩu lên khoảng 200 triệu USD/năm;

Phát triển chè ở nơi có điều kiện, ưu tiên phát triển ở các tỉnh trung du miền núi phía Bắc, tập trung đầu tư xây dựng các vùng chè chuyên canh, tập trung, thâm canh có năng suất chất lượng cao và từng bước được hiện đại hoá, kết hợp giữa thâm canh vườn chè hiện có với phát triển diện tích chè mới;

- Thâm canh tăng năng suất để đạt mức doanh thu bình quân 15 triệu đồng/ha, mức cao 30 triệu đồng/ha;

- Giải quyết việc làm cho khoảng 1,0 triệu lao động.

2. Giải pháp:

a) Về quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu: trên cơ sở điều kiện địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu và quỹ đất hiện có ở các địa phương, quy hoạch vùng nguyên liệu chè theo hướng khai thác lợi thế của từng vùng, có kế hoạch phục hồi, thâm canh

70.000 ha chè hiện có, đồng thời tập trung trồng mới chủ yếu ở các tỉnh miền núi phía Bắc, cụ thể là:

- Đối với vùng cao: trồng chè cây, chè cổ thụ như chè shan tuyết, chè đặc sản khoảng 10.000 ha;
- Đối với vùng thấp: trồng chè đồn khoảng 20.000 ha.
- Hình thành một số vùng chè cao sản để sản xuất các loại chè có chất lượng cao và chè hữu cơ để cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

b) Về thị trường: Bộ Thương mại chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ ngành có liên quan giải quyết tốt thị trường, cụ thể là:

- củng cố và mở rộng thị trường Trung cận Đông;
- Khôi phục thị trường các nước Đông Âu và Cộng hoà Liên bang Nga;
- Tham gia thị trường Nhật Bản, Đài Loan bằng các hình thức liên doanh, liên kết, bao tiêu sản phẩm;
- Mở thêm thị trường mới ở Bắc Mỹ và các nước châu Âu.

c) Về chính sách đầu tư và tín dụng.

Trên cơ sở suất đầu tư hợp lý, tính đủ theo hướng thâm canh, Nhà nước có chính sách hỗ trợ đầu tư và tín dụng phù hợp, cụ thể là:

- Đối với chè trồng ở vùng cao: được coi như rừng phòng hộ (chè cổ thụ) được áp dụng chính sách hỗ trợ như trồng rừng phòng hộ tại Quyết định số 661/1998/QĐ-TTg ngày 29 tháng 07 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thực hiện Dự án trồng mới 5,0 triệu ha rừng, mức hỗ trợ là 2,5 triệu đồng/ha lấy từ nguồn vốn trong kế hoạch trồng rừng phòng hộ hàng năm, phần vốn còn lại do người trồng chè tự đầu tư bằng vốn tự có hoặc vốn vay.

- Đối với chè trồng có đồn: huy động mọi nguồn vốn để phát triển vùng nguyên liệu chè như mục tiêu đã đề ra, bao gồm:

+ Vốn Ngân sách Nhà nước đầu tư hỗ trợ: xây dựng các công trình thuỷ lợi đầu mối (theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt); nghiên cứu khoa học và công nghệ; khuyến nông, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới về cây chè, trước mắt trong năm 1999 cho phép Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn sử dụng nguồn vốn sự